

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/02/2025  
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:  
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 651/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST-DS ngày 10/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1991;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Campuchia. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Bùi Thị V** – sinh năm 1968;  
Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị **Hoàng Thị T** trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K ngày 27/03/2014. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng với nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh H ở thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng cũng không tháo gỡ được vướng mắc, không có khả năng hàn gắn. Đến nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm lạnh nhạt không thể chung sống cùng với nhau được nữa, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị ly hôn với anh H theo quy định của pháp luật.

*Về con chung:* Vợ chồng chị có 03 con chung là Phạm Anh T1, sinh ngày 18/8/2014; Phạm Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 19/12/2015 và Phạm Thảo N, sinh ngày 14/8/2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng để cho anh Phạm Văn H được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 3 con chung cho đến khi trưởng thành. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Bùi Thị V (mẹ đẻ anh Phạm Văn H) thể hiện: Hiện nay anh H đang lao động tại nước ngoài từ tháng 9 năm 2024, anh H vẫn liên lạc hỏi thăm gia đình. Các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt, gia đình đã thông báo cho anh H biết, anh H không gửi quan điểm thể hiện bằng văn bản nhưng trao đổi qua điện thoại, anh H có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, anh H đồng ý nuôi cả 03 con chung và yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà V đồng ý tạm nuôi cả ba cháu trong thời gian anh H ở nước ngoài.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Anh H và chị T kết hôn hợp pháp và có đăng ký tại địa phương. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh H và chị T do vợ chồng sống xa cách mỗi người ở một nơi dẫn đến không chia sẻ được với nhau về công việc, tình cảm. Nay chị T có đơn ly hôn anh H, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Con chung của anh H và chị T là Phạm Anh T1 và Phạm Hoàng Quỳnh A có nguyện vọng được ở với anh H.

*Tại phiên tòa:* Chị T vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh H, bà V vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt và giấu địa chỉ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Hoàng Thị T ly hôn anh Phạm Văn H; Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn H chăm sóc, nuôi

dưỡng con chung Phạm Anh T1, sinh ngày 18/8/2014; Phạm Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 19/12/2015 và Phạm Thảo N, sinh ngày 14/8/2019. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Chị Hoàng Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn với anh Phạm Văn H. Anh H đang lao động tại Campuchia. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa chị T đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai, bà V vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K ngày 27/03/2014. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng nhà bố mẹ đẻ của anh H ở thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng không có khả năng hàn gắn quan hệ hôn nhân. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh bởi lời khai của các đương sự, quan điểm của gia đình, địa phương, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T ly hôn anh H là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh H có 03 con chung là Phạm Anh T1, sinh ngày 18/8/2014; Phạm Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 19/12/2015 và Phạm Thảo N, sinh ngày 14/8/2019. Chị T có nguyện vọng để cho anh H nuôi cả ba con chung, anh H nhất trí. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho con chung chưa thành niên, HĐXX chấp nhận giao cho do anh H nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả ba con chung là phù hợp. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H 1.500.000 đồng/người/tháng kể từ tháng 02/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh H ở nước ngoài, tạm giao cho bà Bùi Thị V nuôi dưỡng cả ba cháu.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có

quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn trong vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Hoàng Thị T** ly hôn với anh **Phạm Văn H**.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả ba con chung là Phạm Anh T1, sinh ngày 18/8/2014; Phạm Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 19/12/2015 và Phạm Thảo N, sinh ngày 14/8/2019.

Chị Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng cho con: Chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cả 03 con chung với số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/người/tháng, (tổng cả 03 con chung là 4.500.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2025 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

*Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.*

Tạm giao cho bà Bùi Thị V nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Anh T1, Phạm Hoàng Quỳnh A và Phạm Thảo N trong thời gian anh Phạm Văn H ở nước ngoài.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005382 ngày 29/11/2024 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Anh Phạm Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày. Bà Bùi Thị V có quyền kháng cáo đối với phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày. Thời gian tính từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành  
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**